

15. PHƯỜNG MỸ NGÃI

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường cặp mé sông Cao Lãnh	Trần Quốc Toàn	Cầu Đạo Năm	3.600
		Đường qua Tân Thuận Tây	Cuối Đường	3.600
2	Đường tổ 55, 56 (sau Đường 30 tháng 4)	Đường qua Tân Thuận Tây	Cuối Đường	3.000
3	Đường tổ 59, 60, 61, 62	Đường qua Tân Thuận Tây	Cuối Đường	3.600
4	Đường Nguyễn Trung Trực (Đường Xí nghiệp xây xát cũ)	Đường 30 tháng 4	Đường đan tổ 9, 10	3.000
		Đường đan tổ 9, 10	Đường 30 tháng 4	3.000
5	Đường phố chợ Trần Quốc Toàn	Toàn tuyến		6.000
6	Đường từ Đường 30 tháng 4 - cầu chợ Trần Quốc Toàn	Toàn tuyến		6.000
7	Cụm dân cư Trần Quốc Toàn	Đường Nguyễn Cư Trinh, Võ Hoành, Lãnh Bình Thăng, Lưu Kim Phong, Trần Văn Phát	Toàn tuyến	3.600
		- Đường 10,5m	Toàn tuyến	5.400
8	Đường Thống Linh	Toàn tuyến		4.500
9	Các Đường đan Phường 11 (cũ)	Toàn tuyến		1.600
10	Đường Kênh Mới	Đường Thống Linh	Cầu Đạo Đô	3.000
		Đoạn cầu Đạo Đô	Đường 30 tháng 4	2.400
11	Đường hẻm số 3	Đường 30 tháng 4	Đường Tân Định	3.000
12	Đường Tân Định	Đường Thống Linh	Đường hẻm số 3	3.000
13	Tuyến tránh Quốc lộ 30	Ranh xã Phong Mỹ	Ranh phường Mỹ Trà	2.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
14	Khu lía 8	- Đường 11a	Toàn tuyến	4.500
		- Trục Đường 11	Toàn tuyến	4.500
15	Đường nhựa tổ 27 (ngang đồn Biên phòng), Khóm 4	Toàn tuyến		4.500
16	Đường nhựa tổ 28 (cặp đồn Biên phòng), Khóm 4	Toàn tuyến		4.500
17	Đường nhựa từ Đường Kênh Mới đến giáp ranh xã Mỹ Ngãi cũ	Toàn tuyến		2.400
18	Cụm dân cư trung tâm xã Tân Nghĩa cũ	Đường loại 1	Toàn tuyến	4.000
		Đường loại 2	Toàn tuyến	2.800
		Đường loại 3	Toàn tuyến	2.400
		Đường loại 4	Toàn tuyến	2.000
19	Đường tỉnh 846	Đường 30 tháng 4	Ranh xã Tân Nghĩa (cũ)	1.600
		Đoạn còn lại	Toàn tuyến	1.200
20	Lộ bờ Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	Toàn tuyến		1.200
21	Chợ Bình Trị (Mỹ Tân)	Toàn tuyến		1.200
22	Cụm dân cư Bà Học (Mỹ Tân)	- Đường 3,5m	Toàn tuyến	2.000
		- Đường 5m - 7m	Toàn tuyến	2.400
23	Khu TĐC Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	- Đường 7m	Toàn tuyến	6.800
		- Đường 9m (Đường cụt)	Toàn tuyến	6.800
		- Đường 9m (Đường dài)	Toàn tuyến	9.000
		- Đường 14m	Toàn tuyến	14.000
24	Đường cắt ngang khu tập thể Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đường 30 tháng 4	Cuối Đường	1.600



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
25	Đường Ông Thợ	Đường 30 tháng 4	Cầu Ông Thợ	3.600
26	Đường đan khóm Chiến lược	Toàn tuyến		1.600
27	Đường ông Cả	Đường 30 tháng 4	Đường Cái Sao	1.600
28	Đường vào Trường Trung học Mỹ Tân	Đường Ông Thợ	Cuối Đường	2.000
29	Đường Mai Văn Khải	Cầu Bà Vại	Đường Nguyễn Văn Tre	2.600
		Đường Nguyễn Văn Tre	Rạch Ông Hồ	3.200
		Rạch Ông Hồ	Cầu Bà Học	2.800
		Cầu Bà Học	Cổng Bộ Từ	2.400
		Cổng Bộ Từ	Nguyễn Văn Phối	2.000
		Nguyễn Văn Phối	Đường Nguyễn Chí Thanh	1.600
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu chùa Thanh Vân	2.000
		Cầu chùa Thanh Vân	Đường Trần Văn Năng	1.400
30	Đường Ba Sao	Mai Văn Khải	Cầu Bà Học	1.600
		Đoạn cầu Bà Học	Cuối Đường nhựa	1.200
31	Đường Nguyễn Văn Phối	Cầu Vạn Thọ (trong)	Cầu Ông Đen	1.200
32	Đường Bà Vại	Cầu Bà Vại	Cầu Kháng chiến	1.800
		Cầu Kháng chiến	Cầu Ông Chim	1.400
33	Đường Kênh lộ mới	Chợ Bình Trị	Cụm dân cư Bà Học	1.200
34	Đường Bà Học	Cầu Bà Học	Cầu Ông Đen trong	1.000
		Cầu Bà Học	Cầu Ông Chim	1.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
35	Đường Ông Hồ	Mai Văn Khải	Đường Bà Vại	800
36	Đường Trạm Y tế Mỹ Tân	Đường Mai Văn Khải	Cầu Bà Học	1.000
37	Đường Ông Chăng	Đường Bà Học	Đường Bà Vại	1.000
38	Đường Nguyễn Văn Tre	Đường Mai Văn Khải	Sông Cái Sao Thượng	3.200
39	Chợ Mỹ Ngãi	- Đối diện chợ	Toàn tuyến	1.600
		- Đường còn lại	Toàn tuyến	1.400
40	Đường Cà Xáng (bờ Bắc và bờ Nam)	Toàn tuyến		1.200
41	Đường Lê Thị Phụng	Toàn tuyến		1.200
42	Đường Lê Văn Trung	Toàn tuyến		1.200
43	Đường đan Cái Sao	Toàn tuyến		800
44	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường 30 tháng 4	Cầu UBND Mỹ Ngãi	3.600
		Cầu UBND Mỹ Ngãi	Cầu Khách Nhì	2.000
		Cầu Khách Nhì	Cầu Cà Cái	1.200
45	Đường 30 tháng 4	Cầu Kênh Cụt	Cầu Đạo Năm	7.200
		Cầu Đạo Năm	Đường Nguyễn Trung Trực	18.000
		Đường Nguyễn Trung Trực	Cổng (Đồn Biên phòng)	5.400
		Cổng (Đồn Biên phòng)	Kênh Ông Kho	7.200
46	Đường Bình Trị	Đường 30 tháng 4	Cầu Bình Trị	2.400
47	Đường Cái Sao	Đường 30 tháng 4	Đường Ông Thợ	1.600
		Đường Ông Thợ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1.600
48	Đường Trần Văn Năng	Đường 30 tháng 4	Sông Tiền	1.600
		Đường 30 tháng 4	Giáp ranh xã Tân Nghĩa cũ	1.600



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
47	Khu chỉnh trang đô thị đoạn Kênh Cũ	Đường 5,5m	Toàn tuyến	5.000
		Đường 3,5m	Toàn tuyến	4.500
48	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	Toàn tuyến		1.200
49	Đường Ông Đen	Toàn tuyến		1.000
50	Đường Vạn Thọ	Đường Mai Văn Khải	Cuối tuyến	1.200
51	Đường tỉnh 856	Ranh xã Phong Mỹ	Ranh xã Phương Thịnh	1.000
52	Các tuyến Đường nhựa xung quanh Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn (áp dụng giá đất bên ngoài Khu công nghiệp)	Toàn tuyến		3.000

